

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2020/HS-ST**
Ngày: 10/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thu Hiền- Giáo viên
2. Bà Ngô Thị Yêm - Cán bộ hưu trí;
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông A.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A - Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 112/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐST-HS ngày 28/7/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Trần Văn T1**, Sinh ngày 06 tháng 3 năm 2004 (khi phạm tội Trần Văn T1 được 16 tuổi 1 tháng 14 ngày). Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: Xóm 8, xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Mai C, Đại M, Đông A, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Họ và tên bố: Trần Văn K, sinh năm: 1971; Họ và tên mẹ: Phạm Thị D, sinh năm: 1977; Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Đinh Văn T2**, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2004 (Khi phạm tội, Đinh Văn T2 được 16 tuổi 2 tháng 18 ngày); HKTT/Nơi ở: Xóm 7, xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định; Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Họ và tên bố: Đinh Văn

A, sinh năm: 1972; Họ và tên mẹ: Bùi Thị Đ, sinh năm: 1974; Gia đình bị cáo có ba chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1997; HKTT: Thôn 3, xã Trung K, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc. Trú tại: Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1998; HKTT: Xóm C, xã Trung K, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

3. Chị Tống Thị N, sinh năm: 1994; HKTT: Thôn Khánh Nhi N, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

Chị H, chị N cùng trọ tại Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn T1: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1977; HKTT và nơi ở: Xóm 8, xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Văn T2: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1974; HKTT và nơi ở: Xóm 7, xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án xác định như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Ngày 19/4/2020, anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1997; HKTT: Thôn 3, xã Trung K, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc, hiện trú tại: Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội đến Công An xã Đại M, huyện Đông A trình báo về việc: Bị mất 01 chiếc xe máy Honda - Wave Alpha, BKS: 88F1 - 416.23 để ở tầng 1 nhà trọ, trong cốp xe máy có 01 tuốc-nơ-vít 4 cạnh màu đen, 01 cờ lê màu trắng và 01 chiếc quần nilong, đã qua sử dụng (loại quần đi mưa, anh T3 xác nhận chiếc quần nilong bị rách nát, không có giá trị), trị giá chiếc xe máy khoảng 12 triệu, xe không khóa cổ, khóa càng. Anh T3 đề nghị Cơ quan Công An điều tra làm rõ đối tượng trộm cắp và xử lý theo quy định.

Ngày 04/5/2020, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; HKTT: Xóm Chùa, xã Trung K, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc và chị Tống Thị N, sinh năm 1994, HKTT: Thôn Khánh Nhi N, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc cùng trọ tại Thôn Mai

C, xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội cùng đến Công An xã Đại M, huyện Đông A trình báo về việc chị H bị mất 01 chiếc quần bảo hộ lao động công nhân màu bạc, chị N bị mất 01 bộ quần áo bảo hộ lao động công nhân (in chữ SEEV trên áo) màu bạc - xanh, 01 áo dài tay, có mũ, màu xanh nâu (loại áo chống nắng) khi đang phơi ở tầng 6. Chị H, chị N đề nghị Công An làm rõ đối tượng trộm cắp và xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ đơn trình báo, lời khai của bị hại, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ đối tượng Trần Văn T1, Đinh Văn T2 đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản của anh T3, chị N và chị H. Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn T1, Đinh Văn T2 để điều tra, xử lý theo quy định.

Vật chứng tạm giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Văn B: 01(một) xe máy Honda - Wave Alpha, màu Trắng - Đen- Bạc, số khung: 3908HY530610, số máy: JA39E0505041, không có gương chiếu hậu, không có yếm xe; 01 (một) ổ khoá điện xe máy, đã qua sử dụng; 01 (một) ổ khoá yên xe máy, đã qua sử dụng

- Thu giữ của Trần Văn T1: 01(một) bộ cánh yếm xe máy màu trắng; 01 (một) gương chiếu hậu xe máy; 01(một) áo bảo hộ lao động công nhân màu bạc - xanh, có in chữ SEEV; 01(một) áo dài tay, có mũ màu xanh nâu; 01(một) quần nilong màu xanh

- Thu giữ của Đinh Văn T2: 01 (một) tô vít 4 cạnh màu đen; 01 (một) cờ lê màu trắng 10-14.

Ngày 12/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đông A đã kết luận: 01 (một) xe máy Honda - Wave Alpha, màu trắng - đen - bạc, số khung: 3908HY530610, số máy: JA39E0505041 trị giá là 13.600.000 đồng, 01 (một) áo bảo hộ lao động, màu bạc - xanh, có chữ “SEEV” ở ngực áo bên trái, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng, 01 (một) áo dài tay có mũ, màu xanh nâu, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng, 01 (một) quần bảo hộ lao động công nhân, màu bạc, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng, 01 (một) quần bảo hộ lao động công nhân, màu trắng bạc, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 14.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định:

Bị cáo Trần Văn T1 cùng bà Phạm Thị D - mẹ đẻ của T1 thuê trọ tại khu nhà của ông Cao Xuân Ngọc (sinh năm 1973), địa chỉ: Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội từ năm 2019. Ngày 02/4/2020, bị cáo Đinh Văn T2 đến chơi và ở lại nhà trọ với T1. Do không có phương tiện đi lại và tiền tiêu xài nên T1 rủ T2 trộm

cấp xe máy, tài sản khác của những người cùng thuê trọ bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 15 giờ ngày 18/4/2020, T1 gặp T2 tại nơi để xe tầng 1 khu nhà trọ, T1 nói: “Tôi nay tao lấy trộm xe, mày có đi không?”, T2 đồng ý. Do khu trọ lắp nhiều camera theo dõi nên T1 và T2 bàn bạc thống nhất: T1 có nhiệm vụ quay tắt cả các camera lên trần nhà để tránh bị ghi hình và mở cửa cuốn, T2 trực tiếp trộm cấp tài sản; cả hai sẽ đeo khẩu trang, trộm cấp áo của người cùng khu trọ mặc để tránh bị phát hiện.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 19/4/2020, T1 mặc áo chống nắng có mũ đi phía trước còn T2 đeo khẩu trang đi theo sau lên sân thượng tầng 6 khu trọ. T1 trộm cấp trên dây phơi 01 (một) bộ quần áo bảo hộ lao động công nhân màu bạc - xanh của chị Tổng Thị N, mặc bên ngoài áo chống nắng. T2 trộm cấp trên dây phơi 01 (một) chiếc quần bảo hộ lao động công nhân màu bạc của chị Nguyễn Thị H, nhặt ở dưới nền gạch 01 (một) áo dài tay, có mũ, màu xanh nâu (loại áo chống nắng) của chị N mặc vào, T2 vẫn đeo khẩu trang y tế đã mang từ lúc ban đầu, T1 kéo khóa áo chống nắng lên cao qua phần mũi che mặt để ngụy trang. Sau đó, T1 đeo gang tay để tránh bị phát hiện. T2 đứng chờ ở tầng 2, T1 đi bộ xuống tầng quay hai mắt camera (ở góc nhà và đối diện cầu thang) hướng lên trần nhà. T1 phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - Wave Alpha, sơn màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát: 88F1 - 416.23 của anh Nguyễn Văn T3 trong nhà để xe, không khóa càng, khóa cổ nên dắt lùi ra để trộm cấp thì bị vướng vào xe khác. Thấy T2 đi xuống, T1 chỉ vào chiếc xe máy biển kiểm soát: 88F1 - 416.23 nói: “mày dắt chiếc xe này đi”, rồi T1 bấm nút điều khiển cửa cuốn lên cao, T2 dắt quay chiếc xe máy biển kiểm soát: 88F1 - 416.23 ra ngoài. T1 ấn cửa cuốn hạ xuống, rồi lách người chui ra ngoài. T2 ngồi trên xe máy điều khiển, T1 đẩy từ phía sau. Khi đến khu vực tiếp giáp tường rào khu công nghiệp và cánh đồng thì dừng lại, T1 dùng sức kéo yên xe máy lên tạo khoảng hở để T2 thò tay vào lấy được 01 (một) chiếc tuốc-nơ-vít và 01 (một) chiếc cờ lê. T2 tháo hai bên yếm xe máy Honda Wave Alpha và tháo biển kiểm soát: 88F1 - 416.23, 01 chiếc gương xe máy vứt đi. Sau đó, T1 và T2 đấu điện nhưng không nổ máy được, T2 và T1 tiếp tục đẩy xe đến gầm cầu vượt Kim C để gửi xe máy nhưng không tìm thấy. Cả hai thống nhất phân công T2 ngồi trông xe máy đến sáng, thì tìm cửa hàng sửa xe thay ổ khóa còn T1 đi bộ về phòng trọ để bà D không nghi ngờ.

Khoảng 12 giờ ngày 19/4/2020, T1 và T2 dắt xe đến quán sửa xe của anh Nguyễn Văn B (sinh năm: 1972; trú tại: Thôn Hậu D, xã Kim C, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội) địa chỉ: Thôn Hậu D, xã Kim C thay khoá điện và để nhờ xe tại

quán rồi quay về nhà trọ thì Cơ quan điều tra mời lên trụ sở làm việc và khai nhận hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Trần Văn T1, Đinh Văn T2 xác định vị trí, địa điểm thực hiện hành vi trộm cắp phù hợp với lời khai bị hại, lời khai nhân chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bộ khóa điện, khóa yên xe máy (anh B tháo nắp thay thế vào chiếc xe máy T1, T2 trộm cắp), quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh B. Ngày 24/6/2020, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh B.

Đối với chiếc biển kiểm soát 88F1 - 416.23 bị cáo T2 khai vứt vào trong khu công nghiệp; chiếc quần bảo hộ lao động công nhân (của chị Nguyễn Thị H), chiếc quần bảo hộ lao động công nhân màu bạc (của chị Tống Thị N) bị cáo T1 và T2 khai vứt khi đi trên đường, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

Đối với găng tay nilon T1 và T2 đã vứt trên đường đi, không nhớ vị trí đã vứt, Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm đôi găng tay nilong này.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave Alpha, màu Trắng - Đen- Bạc, biển kiểm soát: 88F1-416.23, số máy: JA39E0505041, số khung: 3908HY530610; 01 (một) gương chiếu hậu xe máy; 01(một) bộ cánh yếm xe máy màu trắng; 01 (một) tuốc nơ vít 4 cạnh màu đen; 01 (một) cờ lê màu trắng 10-14; 01 chiếc quần nilon đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T3; 01(một) áo bảo hộ lao động công nhân màu bạc - xanh, có in chữ SEEV và 01(một) áo dài tay, có mũ màu xanh nâu là tài sản hợp pháp của chị Tống Thị N; 01 (một) chiếc quần bảo hộ lao động công nhân màu bạc là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H. Ngày 08/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho anh Nguyễn Văn T3, chị Tống Thị N và chị Nguyễn Thị H. Sau khi nhận lại tài sản, anh T3, chị N và chị H không yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với T1 và T2.

Viện kiểm sát nhân dân quận huyện Đông A đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận T1 khẩn hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt; Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo nhận thức được hành vi của con mình là sai, nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc giáo dục con chưa T1 niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo, giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Xử phạt Đinh Văn T2 từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Giao bị cáo Trần Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đại M, giao bị cáo Đinh Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu dân sự nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đông A thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử.

[2] Về hành vi và tội danh: Khoảng 02h30' ngày 19/4/2020, tại nhà trọ của ông Cao Xuân Ngọc ở thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội, Trần Văn T1 và Đinh Văn T2 đã có hành vi lén lút cùng nhau trộm cắp 01 áo bảo hộ lao động, màu bạc - xanh, có chữ "SEEV" ở ngực áo bên trái, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng, 01 áo dài tay có mũ, màu xanh nâu, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng, 01 (một) quần bảo hộ lao động công nhân, màu bạc, đã qua sử dụng trị giá là 100.000 đồng của chị Tổng Thị N; 01 quần bảo hộ lao động màu bạc của chị Nguyễn Thị H và 01 chiếc xe máy Honda Honda - Wave Alpha, màu Trắng - Đen- Bạc, biển kiểm soát: 88F1- 416.23 trị giá 13.600.000 đồng của anh Nguyễn Văn T3. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 14.000.000 đồng.

Trong quá trình Điều tra, truy tố, các bị cáo khai nhận T1 khẩn về hành vi trộm cắp tài sản, các tài liệu chứng cứ thể hiện: Bị cáo T1 có mục đích trộm cắp tài

sản nên đã rủ rê lôi kéo bị cáo T2 cùng phạm tội, bị cáo T2 là đồng phạm với vai trò là người thực hiện. Xét đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò như nhau trong việc chiếm đoạt tài sản. Do vậy căn cứ điều 58 của Bộ luật hình sự, cần xét xử các bị cáo có hình phạt bằng nhau.

Khi phạm tội, Trần Văn T1 được 16 tuổi 1 tháng 14 ngày; Đinh Văn T2 được 16 tuổi 2 tháng 18 ngày, Các bị cáo phạm tội ở lứa tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi. Như vậy, các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình bảo vệ, xâm phạm trật tự xã hội. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do các bị cáo chưa hoàn thiện về thể chất là tâm lý, nhận thức xã hội còn hạn chế nên đã phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Nhân thân chưa bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo: Không;
- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo chưa lần nào phạm tội, hình phạt đối với khung hình phạt các bị cáo bị truy tố của tội danh này tối đa là 03 năm tù. Do vậy nên áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo T1 khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị hại đều đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đặc điểm về nhân thân, tính chất của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Các bị cáo đều còn nhỏ tuổi, phạm tội khi tâm sinh lý chưa phát triển hoàn thiện, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để khoan hồng đối với các bị cáo, cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa cải tạo để trở T1 người có ích cho xã hội. Nên áp dụng các quy định tại điều 65, 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự để cho các bị cáo hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe và giáo dục chung.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về dân sự nên không xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: không

[8] Về xử lý vật chứng: Không

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

+ Điều khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Điều 58; 65, 90, 91, 101 Bộ Luật Hình sự;

+ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn T1 **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội «Trộm cắp tài sản ».

- Bị cáo Đinh Văn T2 **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Đinh Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Đinh Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- UBND xã Giao L, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định,
- UBND xã Đại M huyện Đông anh, TP Hà Nội;
- Công an huyện Đông A;
- Chi cục THADS huyện Đông A;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 8 năm 2020;

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông A.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Ngô Thị Thu Hiền- Giáo viên;

Bà Ngô Thị Yêm- Cán bộ hưu trí;

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với:

1. Họ tên: **Trần Văn T1**, Sinh ngày 06 tháng 3 năm 2004 (khi phạm tội Trần Văn T1 được 16 tuổi 1 tháng 14 ngày). Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: Xóm 8, Giao L, Giao T, Nam Định; Chỗ ở: Mai C, Đại M, Đông A, Hà Nội;

2. Họ tên: **Đinh Văn T2**, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2004 (Khi phạm tội, Đinh Văn T2 được 16 tuổi 2 tháng 18 ngày); Xóm 7, Giao L, Giao T, Nam Định;

Các bị cáo bị truy tố và đề nghị xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ
CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

a) Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ , không thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

b) Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do luật sư, bị cáo, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

c) Có căn cứ kết tội bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản. Có đủ căn cứ tuyên bố bị cáo Phan Văn Phúc phạm tội trộm cắp tài sản theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

d) Hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

- Về hình phạt: Cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

e) Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Không;

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo chưa lần nào phạm tội, hình phạt đối với khung hình phạt các bị cáo bị truy tố của tội danh này tối đa là 03 năm tù. Do vậy nên áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp nghiêm trọng theo điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo T1 khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình theo điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị hại đều đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự.

g) Về hình phạt : - Bị cáo Trần Văn T1 từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Đinh Văn T2 từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đại M, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Đinh Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người;

- h) Về dân sự: Không xem xét do người bị hại không yêu cầu.

- i) Biện pháp tư pháp khác: Không

- k) Án phí hình sự, án phí dân sự; xử lý vật chứng;

- Án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự: Không.

- Xử lý vật chứng: Không

l) Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

m) Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không

Các vấn đề trên, Hội đồng xét xử nhất trí, biểu quyết thông qua 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T1 viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

T1 VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA